TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 5 năm 2023.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. bà Nguyễn Thị Hoan

2. ông Lê Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên toà: Bà Trịnh Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại phòng xét xử. Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:121/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 4 năm 2023;quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Đỗ Thị H (có mặt)

Địa chỉ: thôn H, xã Q, thành phố T, tỉnh N.

2. Bị đơn: ông Hoàng Thanh T (Vắng mặt)

Địa chỉ: số A, đường Q, tổ D, phường T, thành phó T, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Đỗ Thị H và ông Hoàng Thanh T tự do tìm hiểu, hai bên hoàn toàn tự nguyện và đi đến hôn nhân, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Q vào năm 2010. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh được thời gian khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do hai bên tính cách không hợp, vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau, ông T có những hành xử thiếu tôn trọng gia đình nhà vợ, trong cuộc sống ông T không có trách nhiệm. Tháng 2 năm 2021 vợ chồng ly thân, ông T về nhà của ông T ở tổ D, phường T, thành phố T

để ở. Còn bà vẫn sống ở xã Q, thành phố T. Hai bên không còn quan tâm đến đời sống chung của nhau, nay bà xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn xin ly hôn ông T.

Về con chung: bà H và ông T không có con chung, nên không đề nghị Tòa án xem xét.

Về chia tài sản chung và công nợ: bà H và ông T không có tài sản chung do đó không yêu cầu Tòa án xem xét.

Sau khi thụ lý vụ án. Toà án đã thông báo cho bị đơn biết việc bà H khởi kiện xin ly hôn, để ông T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Trong thời hạn luật định, mặc dù ông T có mặt tại nơi cư trú nhưng ông T không có ý kiến gì về việc bà H làm đơn xin ly hôn ông. Toà án tiến hành các thủ tục theo đúng quy định về pháp luật, ông T nhận văn bản nhưng không ký bất cứ một giấy tờ nào liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến: Về những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước phiên tòa; Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 227, Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị H. cho bà Đỗ Thị H được ly hôn với ồn Hoàng Văn T1.

Về án phí: bà Đỗ thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H1 đã nộp theo biên lai số: AA/2021/ 0002687 ngày 24/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên không hòa giải được, công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T1 có hộ khẩu tại tổ D, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân

dân thành phố Tam Điệp giải quyết, theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của ông Hoàng Văn T1. Toà án đã tiến hành các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, ông T1 vắng mặt. Toà án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điều 227 và điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: bà Đỗ Thị H và ông Hoàng Thanh T xây dựng gia đình với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền. Nay bà H xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên đề nghị xin được ly hôn ông T, được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nội dung: bà Đỗ Thị H kết hôn với ông Hoàng Thanh T vào năm 2010, sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, sau khi mâu thuẫn sảy ra hai bên không tìm được tiếng nói chung để giải quyết mâu thuẫn, dẫn tới hai vợ chồng ly thân, mỗi người ở một nơi. Hai bên không còn quan tâm đến nhau, bà H sống ở nhà riêng của mình ở xã Q, thành phố T, còn ông T ở nhà riêng của mình tại tổ D phường T, thành phố T, hai bên không còn quan tâm đến đời sống vật chất cũng tinh thần của nhau từ năm 2021cho đến nay. Việc bà H trình bày mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng hai bên không có biện pháp nào để vợ chồng trở về đoàn tụ là có căn cứ.

Tòa án B để các bên đương sự tìm ra tiếng nói chung, song ông T không có bất cứ ý kiến gì về cuộc hôn nhân cũng như nhận văn bản tố tụng. Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông T, bà H tại biên bản xác minh ngày 01/3/2023 chính quyền địa phương cung cấp: ông T kết hôn với bà H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố T. Sau khi kết hôn ông T và bà H sống với nhau tại xã Q, thành phố T, nhưng hàng ngày ông T vẫn đi về nhà riêng của mình ở tổ D phường T để ở. Việc mâu thuẫn vợ chồng ông T bà H chính quyền địa phương không nắm được. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Việc bà H trình bày vợ chồng mâu thuẫn, dẫn tới vợ chồng ly thân, hai bên không còn quan tâm đến đời sống chung của nhau, do đó mục đích của cuộc hôn nhân không còn ý nghĩa đối với các bên. Việc bà H làm đơn xin ly hôn ông T là có căn cứ về mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn yêu cầu của bà H, xử cho bà H được ly hôn với ông T căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình .

[4] Về con chung: bà H và ông T không có con chung nên không phải xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: hai bên không có tài sản chung nên không phải xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: bà Đỗ thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30-12 -2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: cho bà Đỗ Thị H được ly hôn với ông Hoàng Văn T1.

2. Về án phí: bà Đỗ thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H1 đã nộp theo biên lai số: AA/2021/ 0002687 ngày 24/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Bà H1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Tam Điệp;
- Chi cục THADSthành phố Tam Điệp;
- UBND xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Ngọc Hà